

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2021/DS-PT

Ngày 29 tháng 01 năm 2021

*V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất
và chia di sản thừa kế.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hà

Các Thẩm phán: Bà Lương Hải Yến và bà Nguyễn Thị Kim Hằng

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Trang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:

Bà Đỗ Thị Thái - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 28/2020/TLPT-DS ngày 21 tháng 10 năm 2020 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất và chia di sản thừa kế”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 02/2020/DS-ST ngày 27 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 63/2020/QĐPT-DS ngày 14 tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2021/QĐ-PT ngày 08/01/2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn kháng cáo: Ông Nguyễn Minh H – sinh năm 1942

Nơi cư trú: Số nhà 09/38/210, phố Đ, phường Đ, quận B, thành phố Hà Nội.
Có mặt.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1943 và ông Hoàng Cao Đ, sinh năm 1950.

Nơi cư trú: Thôn B, xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình.

(Ông Đ ủy quyền cho bà T tham gia tố tụng, bà T có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Hoàng Cao Đ: Ông Nguyễn Tiến Sỹ - Trợ giúp viên pháp lý – Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước, tỉnh Thái Bình. Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Anh Hoàng Đình N, sinh năm 1977

3.2. Chị Hoàng Thị H1, sinh năm 1980

3.3. Anh Hoàng Ngọc T1, sinh năm 1982

Đều trú tại: Thôn B, xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình.

(Anh N, chị H1 có mặt, anh T1 vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

** Nguyên đơn – ông Nguyễn Minh H trình bày:*

Bố ông là cụ Nguyễn Văn N1 (C), chết năm 1984 và mẹ ông là cụ Đặng Thị R, chết năm 1991, hai cụ không để lại di chúc. Trước khi cụ N1 chết, có dặn ông “Đất đai đầy con trông coi, quản lý làm kế sinh nhai”, việc này không có ai chứng kiến. Từ năm 1958 – 1959, ông H đi học tại trường Sư phạm Thái Bình; năm 1960 – 1962, ông H giảng dạy tại huyện Vũ Thư; năm 1963, ông H đi bộ đội; năm 1969, ông H làm việc tại Ủy ban khoa học Nhà nước ở Hà Nội và sinh sống tại Hà Nội từ đó đến nay. Tháng 8/1984, sau khi bố ông mất, ông H viết giấy ủy quyền cho bà T và ông Đ trông nom, quản lý, chăm sóc mẹ già. Cũng trong năm 1984, ông Đ phá dỡ dãy nhà bếp, buồng xép, nhà để cối xay giã gạo để làm nhà. Khi ông Đ làm móng nhà ông có biết và không có ý kiến gì. Năm 1985, Nhà nước đo đạc đất theo bản đồ 299, ông đứng tên kê khai đất mang tên Nguyễn Minh H, ông kê khai với ông Đỗ Quốc V. Việc ông V đến đo đất như thế nào thì ông không được chứng kiến vì khi đó ông bị ốm, có nhờ ông Nguyễn Văn A đứng ra thay ông chỉ mốc và giám sát việc đo đạc. Ông A nói lại với ông việc ông V đã đến đo đất và ông A đã chỉ mốc cho ông Việt (ông A đã chết). Ông không làm bất cứ thủ tục gì liên quan đến hồ sơ, thủ tục kê khai đất. Diện tích đo đạc thể hiện giống như bản đồ 299. Cụ R khi đó còn sống cũng đồng ý nhưng không có văn bản gì thể hiện, cũng không làm thủ tục gì cho ông. Năm 1986, ông H đứng tên trong sổ mục kê. Đến năm 2012, ông ra xã làm thủ tục kê khai quyền sử dụng đất thì mới được thông báo về việc thừa đất của bố mẹ ông để lại đã mang tên ông Hoàng Cao Đ. Năm 2013, ông

Đ xây thêm tầng 2 và tum, ông có biết và không có ý kiến gì. Đối với việc ông Đ xây bếp, bể nước, chuồng lợn, ông không nắm được thời gian xây. Năm 2014, ông H phá dỡ 04 gian nhà gỗ và gian bếp lợn ngói dàn tre hơn 10m² của bố mẹ đi để xây nhà thờ và công trình phụ, tường bao trên tổng diện tích khoảng 200m². Đối với diện tích đất khi nhà nước thu hồi, đền bù giải phóng mặt bằng, ông có đứng ra kê khai nhưng không được đền bù.

Ông H xác định, đất và tài sản trên đất bố mẹ ông để lại cho ông gồm:

- Thửa đất thứ nhất: Giáp đường quốc lộ 10, diện tích 515m² tại thửa số 272, tờ bản đồ 299, tứ cận: phía Đông dài 12m giáp ông B và một phần giáp thửa 268/455; phía Tây dài 30m giáp ngõ; phía Nam dài 26m giáp đường Quốc lộ 10; phía Bắc dài 18m, giáp bà K và 7,5m giáp thửa 268/455. Tài sản trên đất gồm: 04 gian nhà gỗ (gồm buồng để ở và 03 gian nhà ngoài), 02 gian bếp, 01 bể nước, 02 gian để cối xay giã gạo, 01 buồng xép, 02 gian chuồng lợn, chuồng bò và sân, vườn. Toàn bộ gian bếp, 02 gian để cối xay, 01 buồng xép, 02 gian chuồng lợn, bò đều làm tường đất lợp rạ. Ngoài ra, còn có nhiều cây mít, nhãn, táo, xoài trên đất.

- Thửa thứ hai: diện tích 455m² tại thửa số 268, tờ bản đồ 299, có tứ cận: phía Đông dài 21m giáp thửa AC 269/400; phía Tây dài 29m giáp bà K, phía Nam dài 7,5m giáp thửa 272/515 giáp ông B, phía Bắc dài 21m giáp sông.

- Thửa đất ao diện tích 400m² tại thửa 269, tờ bản đồ 299, có tứ cận: phía Đông dài 16m giáp ông V, phía Tây dài 21m giáp thửa 268/455, phía Nam dài 34m giáp ông B, phía Bắc dài 21m giáp sông. Diện tích ao này hiện ông Đ đang sử dụng thả cá.

Trước đây, khi bố mẹ ông còn sống thì bố mẹ ông là người đóng thuế sử dụng đất, kể từ khi bố mẹ ông chết, ông Đ, bà T là người đóng thuế. Ông H yêu cầu:

- Bà Nguyễn Thị T và ông Hoàng Cao Đ trả lại toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với diện tích đất 1.370m² tại các thửa T272/515, TC268/455 và AC269/400 tại tờ bản đồ 299 tại thôn Bắc Sơn, xã Tự Tân, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình và công nhận quyền sử dụng đất hợp pháp đối với các thửa đất này cho ông H.

- Hủy các giấy tờ đất mang tên ông Hoàng Cao Đ và bà Nguyễn Thị T.

- Toàn bộ các tài sản gắn liền với diện tích đất 1.370m² do bố mẹ ông để lại thuộc quyền quản lý, sử dụng định đoạt của ông H. Đối với một số tài sản không

còn, một số tài sản giá trị không lớn nên ông không yêu cầu chia. Đối với các công trình và cây cối trên thửa đất số 93 theo bản đồ Vlap đo đạc năm 2014 là của ông Đ, bà T nên ông Đ, bà T phải có trách nhiệm tháo dỡ, di dời toàn bộ các tài sản này để trả đất cho ông.

- Ông H không đồng ý với yêu cầu của bà Nguyễn Thị T về việc chia di sản thừa kế do bố mẹ ông để lại vì đây là tài sản của ông, bà T không có quyền yêu cầu chia thừa kế.

** Bị đơn – bà Nguyễn Thị T trình bày:*

Nguồn gốc thửa đất ông H đang tranh chấp là di sản thừa kế của bố mẹ bà để lại. Năm 1977, bà kết hôn với ông Hoàng Cao Đ, hai ông bà và các con sinh sống cùng với cụ N1, cụ R. Khi còn sống, bố mẹ bà đóng thuế đất, khi bố mẹ bà chết, bà đóng thuế đất. Năm 1993, cụ N1 cho vợ chồng bà toàn bộ mảnh vườn mà bố mẹ đang canh tác với diện tích 581m². Việc cho đất có sự chứng kiến của ông Nguyễn Văn P, ông Cao Văn B, bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn A, bà Nguyễn Thị L. Trên đất khi đó có 03 cây mít và vườn có 04 hàng chè, dong và chuối. Sau đó, vợ chồng đã san lấp nhiều đợt và trồng cây ăn quả đến bây giờ. Tháng 7/1984, cụ N1 chết, tháng 10/1991 cụ R chết, hai cụ chết không để lại di chúc. Việc ông H trình bày, năm 1984, khi cụ N1 chết có di chúc miệng lại cho ông toàn bộ nhà và đất bà không biết, không chứng kiến. Việc ông H viết giấy ủy quyền lại cho bà và ông Đ trông coi, quản lý đất là không đúng, bà không biết gì về giấy ủy quyền này. Năm 1985, vợ chồng bà đã làm nhà ở riêng trên mảnh vườn mà bố mẹ bà cho với diện tích nhà ở và sân là 192m², công trình phụ 48m², tổng diện tích là 240m². Diện tích đất vườn còn lại bà vẫn trồng cây ăn quả. Gia đình bà đi chung ngõ với nhà bố mẹ bà vì trước mặt nhà bà là đất thổ cư của ông B. Bố mẹ bà cho bà mảnh vườn là phần hậu của thửa đất, không có mặt tiền. Khi nhà bà làm móng xây nhà, ông H có về và biết việc này nhưng không có ý kiến gì. Năm 1992, bà nghỉ hưu, được Hợp tác xã Tự Tân bán cho 03 suất ruộng của 03 con bà là anh N, chị H1 và anh T1 với tổng diện tích là 2.097m², với diện tích vườn thổ của bố mẹ bà Hợp tác xã giao là 981m², ao là 288m². Đất ở của bố mẹ bà được 400m², đất ở của gia đình bà cũng được 400m², tổng diện tích 02 thửa là 800m², thổ thừa là 181m² xác định là đất vườn. Trong khi đó ruộng nhà bà còn thiếu nên theo quyết định 652 thì được đổi trừ đất ao, vườn ra đất ruộng cho đủ, do vậy quy đổi 181m² đất vườn thành 120m² đất ruộng và 288m² đất ao quy đổi thành 72m² đất ruộng. Với tổng diện tích đất

ngoài đồng cộng lại, nhà bà mới được 1.894m^2 nên vẫn còn thiếu 203m^2 đất ruộng. Đến năm 1994, ban đo đạc đến đo đất, bà đứng tên kê khai vào tờ đăng ký quyền sử dụng đất, vì hiện tại bà đang ở trên mảnh vườn mà bố mẹ bà cho với diện tích đất ở là 982m^2 , ao là 370m^2 . Việc bà đứng tên kê khai đăng ký quyền sử dụng đất, đóng thuế hàng năm, ông H đều biết nhưng không có ý kiến gì. Năm 2009, bà T bàn với ông H làm lại nhà của bố mẹ bà nhưng ông H bảo chưa được tuổi nên chưa làm. Bà T chuyển sang làm lại nhà của bà trên nền nhà cũ. Cùng năm này bà có mua thêm diện tích 35m^2 của ông Cao Văn B và bà Lại Thị C để làm vườn và ngõ đi riêng, ông H cũng biết việc này. Năm 2014, bố con ông H mới về thống nhất làm lại nhà để thờ bố mẹ trên diện tích của thửa 272, sau khi xây dựng xong thì ông H tự nhiên cắt đứt quan hệ anh em với gia đình bà. Diện tích đất mà bố mẹ bà cho bà và ông Đ đang sử dụng, không chuyển dịch cho ai. Toàn bộ đất mà bố mẹ bà cho, bà và ông Đ đã xây dựng nhà và công trình khác. Đối với đất nông nghiệp, theo tiêu chuẩn thì đã đổi trừ vào đất vườn và đất ao của gia đình bà, hiện nay ông bà đang sử dụng để trồng cây ăn quả và nuôi cá. Khi mở rộng đường 10, Ban quản lý dự án có lấy vào đất của bố mẹ bà, ông Đ đã gọi ông H về để làm thủ tục đền bù. Việc làm thủ tục của ông H như thế nào bà không biết. Gia đình bà không được đền bù gì.

Do ông Đ là thương binh loại $\frac{1}{4}$ cho nên được giảm đóng thuế sử dụng đất đối với thửa 268 đến năm 1994; từ năm 1995 – 1997, vợ chồng bà đóng thuế đất 50%; từ năm 1998, được miễn toàn bộ thuế đất. Đối với thửa đất số 272, bà đứng ra đóng thuế đến năm 2010. Riêng thuế đất của thửa 269 bà đóng thuế đất đến năm 2011 thì không phải đóng thuế nữa. Hiện nay các công trình và cây cối trên thửa đất số 93 theo bản đồ Vlap đo đạc năm 2014 là của ông H, còn các công trình và cây cối trên thửa đất số 94 theo bản đồ Vlap đo đạc năm 2014 là của vợ chồng bà.

Bà T không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của ông H, bởi bố mẹ bà đã để lại hai thửa đất, trong đó đã cho vợ chồng bà một thửa, một thửa là của bố mẹ để lại làm nơi thờ tự. Từ khi bố mẹ bà chết, bà và ông Đ cùng các con đã sinh sống tại đó và đã đăng ký kê khai quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật và đóng thuế sử dụng đất từ đó đến nay. Bà T có yêu cầu Tòa án chia thừa kế di sản của bố mẹ bà là cụ Nguyễn Văn N1 và cụ Đặng Thị R để lại. Đối với công trình và tài sản cây cối bố mẹ bà để lại phần lớn đã không còn, chỉ còn một số cây ăn quả không có giá trị gì lớn nên bà không yêu cầu chia.

Đối với diện tích đất 35m^2 trên thửa số 94 theo bản đồ Vlap đo đạc năm 2014 mà bà và ông Đ mua của ông B, bà C, bà đề nghị giao cho bà và ông Đ quản lý. Đối với 181m^2 đất nông nghiệp quy đổi của ba con bà là anh N, chị H1, anh T1, bà nhất trí với các con xác định diện tích đất trên nằm ở thửa 94 để phù hợp với thực trạng sử dụng đất, bà thống nhất với các con bà tạm giao cho bà và ông Đ quản lý và sẽ xác định ranh giới sau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn – ông Hoàng Cao Đ nhất trí với toàn bộ lời khai của và Nguyễn Thị T. Không có ý kiến gì khác.*

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Hoàng Đình N, chị Hoàng Thị H1 và anh Hoàng Ngọc T1 trình bày:*

Các anh chị là con đẻ của ông Đ và bà T, từ khi sinh ra, anh chị đã sống cùng cụ N1, cụ R và bố mẹ. Năm 1992, bà T nghỉ hưu nên gia đình có nguyện vọng mua ruộng cấy của Hợp tác xã Tự T. Theo quy định về quỹ đất của từng địa phương mỗi hộ chỉ được 400m^2 đất ở. Thửa đất của cụ N1 và cụ R đã đủ hạn mức, riêng thửa đất thổ cư và ao của ông Đ, bà T sử dụng thì thừa hạn mức đất ở nên Hợp tác xã Tự T đã chuyển đất vườn và ao để đổi trừ đất ruộng còn giao thiếu. Cụ thể, ba anh chị em được hưởng theo tiêu chuẩn 652 là 2.097m^2 , diện tích đất ngoài đồng thực nhận là 05 thửa = 1.702m^2 , quy đổi đất thổ thừa $181\text{m}^2 = 120\text{m}^2$ đất ruộng; quy đổi ao $288\text{m}^2 = 72\text{m}^2$ đất ruộng. Tổng số đất nông nghiệp được giao là: $1.702\text{m}^2 + 120\text{m}^2 + 72\text{m}^2 = 1.894\text{m}^2$. Như vậy, diện tích đất ruộng của ba anh em còn thiếu là: $2.097\text{m}^2 - 1.894\text{m}^2 = 203\text{m}^2$ đất ruộng. Anh N, chị H1, anh T1 vẫn sử dụng đất nông nghiệp theo tiêu chuẩn trên từ đó đến nay và hàng năm vẫn đóng thuế đất đầy đủ cho Nhà nước.

Các anh chị không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông H, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật để bảo vệ quyền và lợi ích của gia đình các anh chị. Đối với 181m^2 đất nông nghiệp quy đổi của anh chị, nếu Tòa án xác định chia di sản thừa kế của cụ N1, cụ R để lại, anh chị nhất trí xác định nằm ở thửa số 94 để phù hợp với thực trạng sử dụng đất và đồng ý giao cho bà T, ông Đ quản lý và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Cơ quan quản lý đất đai các cấp cung cấp:*

Quá trình sử dụng đất từ khi cụ N1, cụ R còn sống, bà T, ông Đ cùng các con đã sinh sống và xây dựng nhà ở trên thửa đất trên từ năm 1977.

Theo bản đồ 299, tờ bản đồ số 01 tại thôn Bắc Sơn, xã Tự Tân, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình thể hiện: Các thửa T272/515, TC268/455 và AC 269/400 có tổng diện tích là 1.370m² nhưng trên bản đồ không thể hiện tên chủ sử dụng là ai, sổ sách địa phương không lưu trữ. Xác minh tại Trung tâm công nghệ thông tin – Sở Tài nguyên và môi trường và Ủy ban nhân dân xã Tự Tân cung cấp: các thửa đất trên không thể hiện vị trí, kích thước và tên chủ sử dụng đất.

Theo đo đạc năm 1994 và sổ mục kê năm 1997, diện tích đất của các thửa T272/515, TC268/455 và AC 269/400 chuyển đổi thành thửa 313, có diện tích là 982m² và thửa 314 có diện tích là 370m², tổng diện tích là 1.352m² mang tên chủ hộ ông Hoàng Cao Đ. Lý do ông Đ đứng tên trên các thửa đất trên là do ông Đ là thương binh để được miễn thuế sử dụng đất.

Theo đo Vlap 2014, thửa 313 chuyển đổi thành thửa 93 có diện tích 277,1m² mang tên ông H vì ông H đã xây nhà thờ (ông Đ và bà T không có ý kiến gì) và thửa số 94 có diện tích 667,7m² mang tên bà T. Thửa 314 chuyển đổi thành thửa 98 có diện tích 374,8m² mang tên bà T (tổng diện tích là 1.319,6m²).

Quá trình sử dụng đất gia đình ông H, bà T, ông Đ sử dụng ổn định, không có tranh chấp, không chuyển nhượng cho ai. Nguyên nhân có sự chênh lệch về diện tích đất qua các thời kỳ là do sai số về đo đạc. Quá trình mở rộng đường Quốc lộ 10 từ năm 2000 – 2002, Nhà nước không lấy vào diện tích đất của cụ N1 và cụ R nên không có việc bồi thường hay đền bù về đất bị thu hồi cho ông H, bà T.

Ủy ban nhân dân xã Tự Tân cung cấp: Thực hiện Quyết định 652/QĐ-UB ngày 17/11/1993 và Quyết định 948/2000/QĐ-UB ngày 25/9/2000 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình, địa phương đã thực hiện việc giao đất nông nghiệp cho hộ gia đình, gia đình ông Đ và bà T có 03 người con là anh N, chị H1, anh T1 thuộc diện được giao đất nông nghiệp theo các Quyết định nêu trên. Do phần đất để lại của cụ N1, cụ R bị thừa ra so với quy định về hạn mức đất ở nông thôn nên phần đất dôi dư của hai cụ được quy đổi thành đất nông nghiệp giao cho các con của bà T, ông Đ theo chính sách “Chia từ trong nhà ra ngoài đồng”. Hiện tại, toàn bộ diện tích 374,8m² đất nuôi trồng thủy sản nằm trên thửa số 98 theo bản đồ Vlap 2014 và 181m² đất dư thừa còn lại nằm trên hai thửa 93, 94 đã được quy đổi ra đất nông nghiệp giao cho 03 người con của bà T, ông Đ.

Bản án số 02/2020/DS-ST ngày 27 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình xử:

Áp dụng Điều 2 Luật đất đai năm 1993; Điều 50 Luật đất đai năm 2003; Điều 100 Luật đất đai năm 2013; Điều 609, 610, 611, 612, 613, 649, 650, 651, 660, 688 Bộ luật dân sự; Điều 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016. Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Nguyễn Minh H về việc:

1.1. Yêu cầu bà Nguyễn Thị T và ông Hoàng Cao Đ trả lại toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với diện tích đất 1.370m² tại các thửa T272/515, TC268/455 và AC269/400 tại tờ bản đồ 299 nằm tại thôn Bắc Sơn, xã Tự T, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình (các thửa trên nay đã đổi thành thửa 313 loại đất T có diện tích 982m² và thửa 314 loại đất AC có diện tích 370m² và theo bản đồ Vlap đã đổi thành: Thửa số 93, tờ bản đồ số 14, diện tích 277,1m² mang tên ông Nguyễn Minh H; thửa số 94, tờ bản đồ số 14 diện tích 667,7m² và thửa 98 tờ bản đồ số 4, diện tích 374,8m² mang tên bà Nguyễn Thị T) và công nhận quyền sử dụng đất hợp pháp đối với các thửa đất nêu trên đối với ông.

1.2. Yêu cầu hủy các giấy tờ đất đai mang tên bà Nguyễn Thị T và ông Hoàng Cao Đ đối với diện tích đất 1.370m² tại các thửa T272/515, TC268/455 và AC269/400 tại tờ bản đồ 299 nằm tại thôn Bắc Sơn, xã Tự Tân, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình (các thửa trên nay đã đổi thành thửa 313 loại đất T có diện tích 982m² và thửa 314 loại đất AC có diện tích 370m² và theo bản đồ Vlap đã đổi thành: Thửa số 93, tờ bản đồ số 14, diện tích 277,1m² mang tên ông Nguyễn Minh H; thửa số 94, tờ bản đồ số 14 diện tích 667,7m² và thửa 98 tờ bản đồ số 4, diện tích 374,8m² mang tên bà Nguyễn Thị T).

1.3. Yêu cầu ông Đ, bà T phải có trách nhiệm tháo dỡ, di dời toàn bộ các tài sản trên thửa số 94, tờ bản đồ số 14, diện tích 667,7m² và thửa 98 tờ bản đồ số 4, diện tích 374,8m² mang tên bà Nguyễn Thị T để trả lại đất cho ông.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T về việc chia di sản thừa kế của hai cụ Nguyễn Văn N1 và Đặng Thị R để lại. Cụ thể:

2.1. Chia cho ông Nguyễn Minh H được quyền sử dụng 277,1m² đất (gồm 200m² đất ở và 77,1m² đất trồng cây lâu năm) tại thửa số 93, bản đồ Vlap đo đạc năm 2014 tại thôn Bắc Sơn, xã Tự Tân, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình, có vị trí và số đo như sau: Phía Đông giáp nhà bà T có chiều dài 23,6m (tính từ Quốc lộ 10 đến

nhà bà L; phía Tây giáp ngõ đi chung có chiều dài 14,9m (tính từ Quốc lộ 10 đến giáp vườn nhà ông C); phía Nam rộng 14,3m giáp Quốc lộ 10 tính từ góc tường xây hiện có đến ranh giới nhà bà T; phía Bắc giáp vườn nhà ông C và bà L (K) rộng $4,1 + 4,1 + 1,2 + 2,5 + 3,6 + 3,6$ tính từ giáp ngõ đi chung đến ranh giới nhà bà T.

Xác định toàn bộ tài sản trên đất gồm: 01 nhà thờ lợp ngói, công trình phụ, tường dậu, sân bê tông, cây cối trên thửa đất có diện tích $277,1\text{m}^2$ thuộc thửa số 93 theo bản đồ Vlap đo đạc năm 2014 tại thôn Bắc Sơn, xã Tự Tân, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình thuộc quyền sở hữu hợp pháp của ông Nguyễn Minh H nên giao cho ông Nguyễn Minh H tiếp tục sở hữu và sử dụng.

2.2. Chia cho bà Nguyễn Thị T được quyền sử dụng $451,7\text{m}^2$ (gồm 200m^2 đất ở và $251,7\text{m}^2$ đất trồng cây lâu năm) trên thửa số 94, bản đồ Vlap đo đạc năm 2014 tại thôn Bắc Sơn, xã Tự T, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình, có vị trí và số đo thể hiện tổng số mốc đo theo hiện trạng là 10 mốc: Phía Đông từ mốc 03 đến mốc 04 giáp ao bà T; phía Đông từ mốc 06 đến mốc 07 giáp ông B; phía Tây từ mốc số 08 đến mốc số 09 giáp ông H; phía Tây từ mốc số 09 đến mốc 10 giáp nhà bà L; phía Tây từ mốc số 10 về mốc số 01 giáp nhà bà Phạm Thị L; phía Nam từ mốc số 07 đến mốc số 08 giáp Quốc lộ 10A; phía Bắc từ mốc 01, 02, 03 giáp đất thủy lợi.

Bà Nguyễn Thị T không phải thanh toán tiền chênh lệch tài sản cho ông Nguyễn Minh H.

Xác định toàn bộ diện tích nhà ở và sân 192m^2 , công trình phụ 48m^2 , cây cối và tài sản trên thửa đất số 94 có diện tích $451,7\text{m}^2$ theo bản đồ Vlap đo đạc năm 2014 tại thôn Bắc Sơn, xã Tự T, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình thuộc quyền sở hữu hợp pháp của bà T, ông Đ nên giao cho bà T, ông Đ tiếp tục sở hữu và sử dụng.

2.3. Tạm giao cho bà T, ông Đ quản lý 35m^2 đất trên thửa số 94, bản đồ Vlap đo đạc năm 2014 mà bà T, ông Đ mua của ông Cao Văn B và bà Lại Thị C.

2.4. Tạm giao cho bà T, ông Đ quản lý 181m^2 đất nông nghiệp quy đổi của các con bà T, ông Đ là anh Hoàng Đình N, chị Hoàng Thị H1 và anh Hoàng Ngọc T1 trên thửa số 94 theo bản đồ Vlap đo đạc năm 2014.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 01/09/2020, ông Nguyễn Minh H kháng cáo toàn bộ bản án. Ngày 16/11/2020, ông Nguyễn Minh H gửi đơn sửa đổi, bổ sung kháng cáo: Việc thu thập chứng cứ như xem xét thẩm định, định giá tài sản đang tranh chấp không tuân thủ các quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án, ông H cho rằng: Toàn bộ 03

thửa đất T272/515, TC268/455 và AC269/400 tại tờ bản đồ 299 với tổng diện tích 1.370m² có nguồn gốc là của bố mẹ ông là cụ N1, cụ R để lại và ông là người sau cùng có tên trên Trích lục bản đồ địa chính năm 1986 đối với cả ba thửa đất nói trên. Việc Tòa án cấp sơ thẩm nhận định “Toàn bộ diện tích 374,8m² đất nuôi trồng thủy sản nằm trên thửa số 98 theo bản đồ Vlap đo đạc năm 2014 và 181m² đất nông nghiệp còn lại nằm trên hai thửa 93 và 94 theo bản đồ Vlap đo đạc năm 2014 đã được quy đổi ra đất nông nghiệp giao cho ba người con của bà T, ông Đ nên không nằm trong di sản thừa kế do cụ N1 và cụ R để lại” là không đúng, chính quyền địa phương không có quyền tự ý quy đổi đất của bố mẹ ông để lại cho người khác. Theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 8 của Nghị định 64 do Chính phủ ban hành ngày 27/09/1993 thì ba con của ông Đ, bà T là anh N, chị H1 và anh T1 không thuộc diện được giao đất. Vì vậy, ông H kháng cáo yêu cầu hủy bản án dân sự sơ thẩm số 02/2020/DS-ST ngày 27/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình để xét xử lại. Đề nghị Tòa án chuyển một phần hồ sơ vụ án có liên quan đến hành vi ra bản án trái pháp luật của Thẩm phán Hà Toàn T cho Cơ quan điều tra – Viện kiểm sát nhân dân Tối cao giải quyết theo Điều 370 Bộ luật hình sự. Đề nghị Tòa án có văn bản chuyển một phần hồ sơ vụ án có liên quan đến hành vi vi phạm về quản lý đất đai đối với ông Phạm Duy N – cán bộ địa chính xã Tự Tân, ông Phạm Khắc K, ông Trần Quang T – nguyên là Chủ tịch và ông Trần Quang Q – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Tự Tân cho Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an tỉnh Thái Bình để điều tra, xác minh và xử lý theo quy định của Điều 229 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, ông Nguyễn Minh H vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị T, anh Hoàng Đình N, chị Hoàng Thị H1 không đồng ý với các nội dung kháng cáo của ông Nguyễn Minh H, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình phát biểu ý kiến: Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm, những người tiến hành tố tụng và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, xử không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Minh H, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Minh H nộp trong thời hạn luật định là kháng cáo hợp pháp nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của ông H thì thấy:

[2.1] Việc tiến hành xem xét thẩm định, định giá tài sản của cấp sơ thẩm: Sau khi có đơn đề nghị của nguyên đơn Tòa án đã ra Quyết định xem xét, thẩm định tại chỗ, Quyết định định giá tài sản và thành lập Hội đồng định giá tài sản là đúng trình tự, thủ tục pháp luật quy định. Tòa án đã ấn định việc xem xét, thẩm định và định giá lần thứ nhất vào ngày 27/3/2020 nhưng bị hoãn do bị đơn đề nghị hoãn vì tình hình dịch bệnh Covid. Lần thứ hai ấn định ngày 26/5/2020 nhưng không xem xét, định giá được do các đương sự không thống nhất được mốc giới để đo đạc, không thống nhất được phương án đo đạc. Lần thứ ba, ấn định vào ngày 03/6/2020 thì nguyên đơn là ông Nguyễn Minh H vắng mặt. Như vậy, việc Tòa án không thể tiến hành việc xem xét thẩm định và định giá tài sản là hoàn toàn khách quan, không vi phạm về trình tự, thủ tục. Mặt khác, tài sản đang tranh chấp đã được xem xét, thẩm định, đo đạc và định giá vào năm 2016, 2017, nếu cần thiết vẫn có thể tham khảo các tài liệu đó để giải quyết vụ án. Vì vậy, việc ông H kháng cáo cho rằng việc thu thập tài liệu, chứng cứ của Tòa án cấp sơ thẩm không tuân thủ các quy định của pháp luật là không có căn cứ.

[2.2] Về yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Minh H: Có căn cứ để xác định thửa đất 272, diện tích 515m² loại đất T (đất ở); thửa đất 268, diện tích 455m² loại đất TC (đất vườn) và thửa đất 269, diện tích 400m², loại đất AC (ao) tại tờ bản đồ 299 với tổng diện tích 1.370m² có nguồn gốc là của cụ N1, cụ R. Việc ông H cho rằng, trước khi cụ N1 mất, cụ N1 đã dặn dò giao lại cho ông quản lý, sử dụng toàn bộ các thửa đất trên nên ông mới viết giấy ủy quyền cho ông Đ, bà T ở nhà tạm thời quản lý đất khi ông đi công tác. Tuy nhiên, việc di chúc miệng của cụ N1 cho ông H là không hợp pháp, vì không có người làm chứng, không được bà T thừa nhận. Mặt khác, cụ N1 cũng không có quyền định đoạt toàn bộ tài sản chung của cụ N1 và cụ R cho ông H khi không có ý kiến của cụ R. Ông H còn cho rằng, ông đã đứng tên sử dụng ba thửa đất nêu trên tại trích lục bản đồ 299 năm 2002. Về vấn đề này, Ủy ban nhân dân xã Tự Tân đã lý giải: việc ông H có tên trong trích lục bản đồ 299 năm 2002 là vì thực hiện chính sách đền bù giải phóng mặt bằng khi có dự án làm Quốc lộ 10, khi đó cụ N1, cụ R đã mất, ông H là con trai nên chính quyền địa phương đã ghi tên ông Nguyễn Minh H trên trích lục bản đồ địa chính để ông H làm thủ tục giải

phóng mặt bằng. Việc ông H đứng tên trong trích lục bản đồ 299 không có giá trị chứng minh quyền sử dụng đất thuộc về ông H. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã nhận định ông H có quyền được hưởng thừa kế mà không có quyền được đòi lại quyền sử dụng đất đối với các thửa đất trên nên đã bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông H là đúng pháp luật.

[2.3] Về xác định di sản thừa kế để chia theo yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Thị T thì thấy: Cụ N1, cụ R chết, để lại khối tài sản là quyền sử dụng 03 thửa đất T272/515, TC268/455 và AC269/400, bản đồ 299 với tổng diện tích là 1.370m². Theo đo đạc hiện trạng đất thì diện tích đất của cả ba thửa là 1.319,6m² tại các thửa 93, 94 và 98. Trong đó, có 35m² là đất ông Đ và bà T đã mua của ông Cao Văn B và bà Lại Thị C để làm ngõ đi nằm trong thửa 94 (thửa bà T đang sử dụng). Như vậy, diện tích đất của cụ N1, cụ R đã giảm đi 85,4m², nguyên nhân là do sai số trong đo đạc qua các lần đo vẽ. Từ những năm 1994 – 2000, chính quyền địa phương đã thực hiện Quyết định 652/QĐUB ngày 17/11/1993 và Quyết định 948/200/QĐ-UB ngày 25/9/2000 giao đất nông nghiệp cho hộ gia đình và cá nhân sử dụng ổn định, lâu dài. Gia đình ông Đ, bà T có 03 người con là anh N, chị H1, anh T1 thuộc diện được giao đất nông nghiệp theo các quyết định nêu trên của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình nên đã được giao đất để sử dụng. Do diện tích đất của cụ N1, cụ R bị thừa về hạn mức đất ở tại nông thôn cho phép mỗi hộ gia đình chỉ được 400m² đất ở, nên phần diện tích đất vườn dôi dư là 181m² và đất nuôi trồng thủy sản là 374,8m² của cụ N1, cụ R đã được quy đổi ra đất ruộng cho anh N, chị H1, anh T1. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xác định di sản thừa kế của cụ N1, cụ R để lại gồm: $1.319,6\text{m}^2 - (35\text{m}^2 \text{ đất bà T mua của ông B, bà C} + 181\text{m}^2 \text{ đất vườn đã quy đổi} + 374,8\text{m}^2 \text{ đất ao đã quy đổi}) = 728,8\text{m}^2$ để chia thừa kế theo pháp luật cho ông H, bà T là đúng pháp luật. Bởi, theo khoản 5 Điều 26 Luật đất đai năm 2013 quy định: *“Nhà nước không thừa nhận việc đòi lại đất đã được giao theo quy định của Nhà nước cho người khác sử dụng trong quá trình thực hiện chính sách đất đai của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam và Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam”*. Do đó, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Minh H về vấn đề này.

[2.4] Theo các đương sự khai, cụ N1, cụ R có hai con chung là ông H, bà T, hai cụ không có vợ chồng nào khác, không có con riêng, con nuôi nào khác, khi chết các cụ không có di chúc nên Tòa án cấp sơ thẩm xác định ông H, bà T là người

thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất và chia thừa kế theo pháp luật là đúng pháp luật. Về việc phân chia di sản thì thấy, ông H đã thoát ly, không sinh sống ở địa phương từ những năm 1958 cho đến nay, ngược lại bà T là người sống trên đất cùng hai cụ, giữ gìn, trông coi, tôn tạo tài sản gần 30 năm kể từ khi cụ R chết, nên cần xem xét đến công sức, đóng góp của bà T trong việc chăm sóc, phụng dưỡng bố mẹ và giữ gìn, tôn tạo di sản. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã chia cho bà T được quyền sử dụng 451,7m², nhiều hơn ông H 174,6m² là phù hợp.

[2.5] Đối với kháng cáo của ông H về việc đề nghị Tòa án chuyển một phần hồ sơ vụ án có liên quan đến hành vi ra bản án trái pháp luật của Thẩm phán Hà Toàn T cho Cơ quan điều tra – Viện kiểm sát nhân dân Tối cao giải quyết và chuyển một phần hồ sơ vụ án có liên quan đến hành vi vi phạm về quản lý đất đai đối với ông Phạm Duy N – cán bộ địa chính xã Tự Tân, ông Phạm Khắc K, ông Trần Quang T – nguyên là Chủ tịch và ông Trần Quang Q – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Tự Tân cho Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an tỉnh Thái Bình để điều tra, xác minh và xử lý không thuộc phạm vi xét xử phúc thẩm của Tòa án nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3] Trong phần quyết định của bản án tại mục 2.3 và 2.4 trang 17 của bản án ghi: “2.3. *Tạm giao cho bà T, ông Đ quản lý 35m² đất trên thửa số 94, bản đồ Vlap đo đạc năm 2014 mà bà T, ông Đ mua của ông Cao Văn B và bà Lại Thị C. 2.4. Tạm giao cho bà T, ông Đ quản lý 181m² đất nông nghiệp quy đổi của các con bà T, ông Đ là anh Hoàng Đình N, chị Hoàng Thị H1 và anh Hoàng Ngọc T1 trên thửa số 94 theo bản đồ Vlap đo đạc năm 2014*” là không đúng, bởi phần diện tích đất 35m² đất bà T, ông Đ đã nhận chuyển nhượng của ông B, bà C và phần diện tích đất quy đổi từ đất vườn sang đất nông nghiệp cho anh N, chị H1, anh T1 được xác định là quyền sử dụng đất riêng của những người này, không nằm trong di sản thừa kế cụ N1, cụ R và các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không cần thiết phải tuyên tạm giao quyền quản lý đất cho ông Đ, bà T. Do đó, cần sửa một phần bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình.

[3] Về án phí: Yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Minh H không được chấp nhận nhưng ông H là người cao tuổi nên ông H được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự. Sửa một phần bản án sơ thẩm số 02/2020/DS-ST ngày 27 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình. Cụ thể:

Áp dụng Điều 2 Luật đất đai năm 1993; Điều 50 Luật đất đai năm 2003; Điều 100 Luật đất đai năm 2013; Điều 609, 610, 611, 612, 613, 649, 650, 651, 660, 688 Bộ luật dân sự; Điều 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016. Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Nguyễn Minh H về việc:

1.1. Yêu cầu bà Nguyễn Thị T và ông Hoàng Cao Đ trả lại toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với diện tích đất 1.370m² tại các thửa T272/515, TC268/455 và AC269/400 tại tờ bản đồ 299 nằm tại thôn Bắc Sơn, xã Tụ Tân, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình (các thửa trên nay đã đổi thành thửa 313 lại đất T có diện tích 982m² và thửa 314 loại đất AC có diện tích 370m² và theo bản đồ Vlap đã đổi thành: Thửa số 93, tờ bản đồ số 14, diện tích 277,1m² mang tên ông Nguyễn Minh H; thửa số 94, tờ bản đồ số 14 diện tích 667,7m² và thửa 98 tờ bản đồ số 4, diện tích 374,8m² mang tên bà Nguyễn Thị T) và công nhận quyền sử dụng đất hợp pháp đối với các thửa đất nêu trên đối với ông.

1.2. Yêu cầu hủy các giấy tờ đất đai mang tên bà Nguyễn Thị T và ông Hoàng Cao Đ đối với diện tích đất 1.370m² tại các thửa T272/515, TC268/455 và AC269/400 tại tờ bản đồ 299 nằm tại thôn Bắc Sơn, xã Tụ Tân, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình (các thửa trên nay đã đổi thành thửa 313 lại đất T có diện tích 982m² và thửa 314 loại đất AC có diện tích 370m² và theo bản đồ Vlap đã đổi thành: Thửa số 93, tờ bản đồ số 14, diện tích 277,1m² mang tên ông Nguyễn Minh H; thửa số 94, tờ bản đồ số 14 diện tích 667,7m² và thửa 98 tờ bản đồ số 4, diện tích 374,8m² mang tên bà Nguyễn Thị T).

1.3. Yêu cầu ông Đ, bà T phải có trách nhiệm tháo dỡ, di dời toàn bộ các tài sản trên thửa số 94, tờ bản đồ số 14, diện tích 667,7m² và thửa 98 tờ bản đồ số 4, diện tích 374,8m² mang tên bà Nguyễn Thị T để trả lại đất cho ông.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T về việc chia di sản thừa kế do hai cụ Nguyễn Văn N1 và Đặng Thị R để lại. Cụ thể:

2.1. Chia cho ông Nguyễn Minh H được quyền sử dụng 277,1m² đất (gồm 200m² đất ở và 77,1m² đất trồng cây lâu năm) tại thửa số 93, bản đồ Vlap đo đạc năm 2014 tại thôn Bắc Sơn, xã Tụ Tân, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình, có vị trí và số đo như sau: Phía Đông giáp nhà bà T có chiều dài 23,6m (tính từ Quốc lộ 10 đến nhà bà L; phía Tây giáp ngõ đi chung có chiều dài 14,9m (tính từ Quốc lộ 10 đến giáp vườn nhà ông C); phía nam rộng 14,3m giáp Quốc lộ 10 tính từ góc tường xây hiện có đến ranh giới nhà bà T; phía Bắc giáp vườn nhà ông C và bà L (K) rộng 4,1 + 4,1 + 1,2 + 2,5 + 3,6 + 3,6 tính từ giáp ngõ đi chung đến ranh giới nhà bà T.

Xác định toàn bộ tài sản trên đất gồm: 01 nhà thờ lợp ngói, công trình phụ, tường dậu, sân bê tông, cây cối trên thửa đất có diện tích 277,1m² thuộc thửa số 93 theo bản đồ Vlap đo đạc năm 2014 tại thôn Bắc Sơn, xã Tụ Tân, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình thuộc quyền sở hữu hợp pháp của ông Nguyễn Minh H nên giao cho ông Nguyễn Minh H tiếp tục sở hữu và sử dụng.

2.2. Chia cho bà Nguyễn Thị T được quyền sử dụng 451,7m² (gồm 200m² đất ở và 251,7m² đất trồng cây lâu năm) trên thửa số 94, bản đồ Vlap đo đạc năm 2014 tại thôn Bắc Sơn, xã Tụ Tân, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình, có vị trí và số đo thể hiện tổng số mốc đo theo hiện trạng là 10 mốc: Phía Đông từ mốc 03 đến mốc 04 giáp ao bà T; phía Đông từ mốc 06 đến mốc 07 giáp ông B; phía Tây từ mốc số 08 đến mốc số 09 giáp ông H; phía Tây từ mốc số 09 đến mốc 10 giáp nhà bà L; phía Tây từ mốc số 10 về mốc số 01 giáp nhà bà Phạm Thị L; phía Nam từ mốc số 07 đến mốc số 08 giáp Quốc lộ 10A; phía Bắc từ mốc 01, 02, 03 giáp đất thủy lợi.

Bà Nguyễn Thị T không phải thanh toán tiền chênh lệch tài sản cho ông Nguyễn Minh H.

Xác định toàn bộ diện tích nhà ở và sân 192m², công trình phụ 48m², cây cối và tài sản trên thửa đất số 94 có diện tích 451,7m² theo bản đồ Vlap đo đạc năm 2014 tại thôn Bắc Sơn, xã Tụ Tân, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình thuộc quyền sở hữu hợp pháp của bà T, ông Đ nên giao cho bà T, ông Đ tiếp tục sở hữu và sử dụng.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Minh H được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 29/01/2021.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Bình;
- TA, THA huyện Vũ Thư;
- Các đương sự;
- Lưu HC-TP;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Hà